

Bản án số: 69/2017/HSPT

Ngày: 08/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Ông Dương Thế Vinh

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu
- Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 92/2017/HSPT ngày 29/6/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn C do có kháng cáo của người bị hại Chị Nguyễn Thị V đối với bản án hình sự sơ thẩm số 20/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn C, sinh năm 1995 tại huyện V, tỉnh Bắc Giang; ĐKKHKT: xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: Thôn 5, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Con ông: Không xác định được, con bà: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961; Vợ, con: Chưa có; Chị em ruột: Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/10/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa khởi tố về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại có kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1996 (Có mặt).

Chỗ ở: xóm Q, thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Giáp Thị H, sinh năm 1967 (Có mặt).

Trú quán: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Trương Đức H2, sinh năm 1991 (Có mặt)

TQ: xóm Q, thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Người làm chứng: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn 7, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên và bản án Hình sự sơ thẩm số 20/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên nội dung vụ án như sau: Nguyễn Văn C, sinh năm 1995; Trú quán: Thôn 5, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang và Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1996; HKTT: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: Thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2013. Khoảng một ngày đầu tháng 6/2016, C gọi điện thoại cho chị V nói chuyện thì được chị V thông báo: “Em sắp lấy chồng, em sẽ mời anh ăn cỗ”, do bất ngờ về việc chị V đi lấy chồng nên C nảy sinh ý định trả thù chị V vào ngày cưới.

Khoảng 19 giờ ngày 12/6/2016, C gọi điện thoại cho anh Lê Văn Q, sinh năm 1995; Trú quán: Thôn 7, xã V, huyện V rủ đi chơi, anh Q đồng ý. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream không nhớ biển kiểm soát đến nhà đón anh Q. Sau khi đón anh Q, C điều khiển xe chở anh Q đến cây xăng của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1964 ở thôn 9, xã V, huyện V bảo chị M cho xin một chai nhựa để mua xăng, chị M cho C một vỏ chai nhựa C2, C mua 5.000 đồng xăng đổ vào chai và mua 25.000 đồng xăng đổ vào xe mô tô rồi tiếp tục điều khiển xe chở Q đến nhà chị Đặng Thị H, sinh năm 1989, trú quán: thôn 9, xã V, huyện V xin một vỏ chai bia Hà Nội để đổ số xăng từ chai nhựa C2 sang chai bia Hà Nội và xin một mảnh vải nhít miệng chai bia Hà Nội đựng xăng. Sau đó C bảo anh Q chở C xuống Thôn M, xã H, huyện V. Trên đường đi, anh Q có hỏi C làm thế để làm gì thì C bảo anh Q cứ đi đi.

Khoảng 20 giờ cùng ngày đến cổng nhà chị V, C bảo anh Q đỗ xe lại. Lúc này gia đình nhà chị V đang tổ chức lễ cưới cho chị V, C mượn điện thoại của anh Q gọi điện thoại cho chị V bảo ra ngoài cổng nói chuyện nhưng chị V trả lời không ra, rồi C trả điện thoại cho anh Q và bảo anh Q ra đầu ngõ chờ. C dùng tay phải cầm chai xăng dốc ngược lên để xăng thấm vào mảnh vải nhít ở miệng chai, tay trái lấy bật lửa mang theo từ trước, đang định bật lửa châm mảnh vải thì anh Q xuống xe gạt tay cầm bật lửa của C nói: “Mày định làm gì đấy?”. C bảo kệ tao mày cứ ra đầu ngõ chờ nên anh Q đi ra đầu ngõ chờ.

C tiếp tục dùng tay trái bật lửa châm mảnh vải bùng cháy và cầm chai bia ở tay phải ném qua tường vào trong sân nhà chị V. Lúc này chị V đang đứng ở sân trước cửa bếp nói chuyện với các bạn là chị Giáp Thị H, sinh năm 1996, anh Giáp

Văn B, sinh năm 1996 và anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1996 đều ở cùng Thôn M, xã H, huyện V thì chai bia Hà Nội đựng xăng đang bốc cháy rơi xuống nền sân cạnh chỗ chị V đứng làm xăng bắn vào người chị V, anh Khang làm chị V bị thương phải đi bệnh viện Quân y 110 điều trị từ ngày 12/6/2016 đến ngày 21/6/2016 ra viện, anh K bị bỏng nhẹ ở chân nên không phải đi bệnh viện điều trị.

Sau khi ném xăng vào sân nhà chị V, C đi ra chỗ anh Q đang đứng đợi bảo anh Q điều khiển xe chở C đi, anh Q điều khiển xe đi về nhà mình rồi xuống trả xe cho C. C điều khiển xe đi khỏi địa phương đến ngày 29/9/2016 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện H, tỉnh Bắc Giang tạm giữ về hành vi Cướp tài sản.

Ngày 12/6/2016, Chị Nguyễn Thị V có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Cùng ngày 12/6/2016, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường thu được 03 mảnh vỡ bằng thủy tinh nâu dạng vỏ chai bia Hà Nội, kích thước mảnh lớn nhất là (9 x 5)cm, mảnh vỡ đáy chai kích thước là (7 x 3,5)cm, mảnh vỡ phần cổ chai kích thước là (5 x 2,5)cm. 03 mảnh vải màu trắng có hoa văn màu đỏ, mảnh lớn nhất kích thước là (30 x 12)cm, mảnh nhỏ nhất kích thước là (12 x 8)cm; các mảnh vải có vết cháy xém đen.

Tại Bản tóm tắt bệnh án số 5645 ngày 24/6/2016 và Giấy xác nhận thương tích số 5645 ngày 10/8/2016 của Bệnh viện Quân y 110, xác định Chị Nguyễn Thị V: bỏng độ 18%; độ II, III căng chân hai bên, thất lưng bên phải. Có thai 10 tuần.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 7357 ngày 04/8/2016 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Bắc Giang kết luận: Chị Nguyễn Thị V bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11%.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 01/11/2016, người bị hại là Chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị bồi thường, yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường tổng số tiền 60.000.000 đồng, trong đó tiền viện phí là 13.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 47.000.000 đồng.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự với các tình tiết định khung được quy định tại điểm a, d, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự; điểm p khoản 1, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn C 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt bị cáo đi thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 205; 246 Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn C với Chị Nguyễn Thị V, bà Giáp Thị H, anh Trương Đức

H2 về các khoản bồi thường với số tiền bị cáo Nguyễn Văn C tự nguyện bồi thường cụ thể: Chị Nguyễn Thị V là: 12.434.000 đồng; bà Giáp Thị H là: 5.000.000 đồng; anh Trương Đức H2 là: 4.320.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho Chị Nguyễn Thị V số tiền do bị tổn thất về tinh thần là 12.100.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho chị V là: 24.534.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 02/6/2017 người bị hại Chị Nguyễn Thị V nộp đơn kháng với nội dung đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo C và yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự, xem xét lại vấn đề của người làm chứng Lê Văn Q.

Tại phiên tòa hôm nay Chị Nguyễn Thị V xác định chỉ yêu cầu kháng cáo cụ thể như sau: Tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C; Tăng mức bồi thường về tổn thất tinh thần; Xem xét tư cách của người làm chứng anh Lê Văn Q; với lý do mức hình phạt nhẹ, mức bồi thường tổn thất tinh thần còn thấp, anh Q là đồng phạm cùng bị cáo C vì đi cùng C. Ngoài ra không kháng cáo vấn đề gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải Q vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Chị Nguyễn Thị V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự với các tình tiết định khung được quy định tại điểm a, d, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự; điểm p khoản 1, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 205; 246 Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn C với Chị Nguyễn Thị V, bà Giáp Thị H, anh Trương Đức H2 về các khoản bồi thường với số tiền bị cáo Nguyễn Văn C tự nguyện bồi thường cụ thể: Chị Nguyễn Thị V là 12.434.000 đồng, bà Giáp Thị H là 5.000.000 đồng, anh Trương Đức H2 là 4.320.000 đồng.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho Chị Nguyễn Thị V số tiền do bị tổn thất về tinh thần là 12.100.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho Chị Nguyễn Thị V là 24.534.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn C không tranh luận gì.

- Người bị hại Chị Nguyễn Thị V tranh luận: Mức hình phạt 36 tháng tù đối với bị cáo là nhẹ, mức bồi thường 10 tháng lương cơ sở là thấp, anh Lê Văn Q phải là đồng phạm.

- Kiểm sát viên đối đáp: Mức hình phạt 36 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra; mức bồi thường tổn thất về tinh thần là 10 tháng lương cơ sở là hợp lý. Cấp sơ thẩm xét xử như vậy là có căn cứ. Anh Lê Văn Q chỉ là người làm chứng mà không phải là đồng phạm vì anh Q không biết mục đích của bị cáo C, cũng như không tiếp nhận mục đích phạm tội của bị cáo. Sau khi C thực hiện xong hành vi phạm tội thì Q cũng không hỏi, C cũng không nói gì về việc đã thực hiện hành vi cố ý gây thương tích nên Q không biết gì. Q cũng không phạm tội không tố giác tội phạm.

Người bị hại không tranh luận gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có ý kiến gì.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Đơn kháng cáo của Chị Nguyễn Thị V trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX thấy đủ cơ sở xác định: Do thù tức vô cớ vào khoảng 20 giờ ngày 12/6/2016, tại Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn C, sinh năm 1995, trú quán: thôn 5, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã có hành vi dùng một vỏ chai bia Hà Nội đựng xăng, miêng nhít mảnh vải bốc cháy ném vào trong sân nhà Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1996, HKTT: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang làm chị V bị thương: Bỏng độ 18, độ II, III cẳng chân hai bên, thất lưng bên phải, với tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11%.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn C đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự. Do vậy bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo như vậy là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của Chị Nguyễn Thị V thấy:

Về yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo: Do thù tức vô cớ bị cáo đã có hành vi gây tổn hại sức khỏe cho chị V là 11%. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C với mức án 36 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Do vậy HĐXX thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của Chị Nguyễn Thị V.

Về yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường dân sự: Trong đơn kháng cáo chị V yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự. Song tại phiên tòa phúc thẩm chị V chỉ kháng cáo đề nghị tăng mức tiền tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật, giữa bị cáo C và chị V không thỏa thuận được về mức bồi thường. HĐXX thấy: Sau khi chị V bị thương tích đã được Trung tâm pháp y - Sở y tế Bắc Giang kết luận chị V bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11 %. Sau thời gian điều trị chị V đã trở lại làm việc bình thường và không có ảnh hưởng nhiều đến thần kinh, chị V đã sinh con và sức khỏe đã hồi phục để lao động, vì vậy mức bồi thường 10 tháng lương cơ sở mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường là có căn cứ và hợp lý đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường tổn thất tinh thần của Chị Nguyễn Thị V đối với bị cáo được.

Về yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét anh Lê Văn Q là đồng phạm với bị cáo C: anh Lê Văn Q chỉ là người làm chứng mà không phải là đồng phạm vì anh Q không được C nói cho biết sẽ dùng xăng gây thương tích cho chị V, không biết mục đích của bị cáo C, cũng như không tiếp nhận mục đích phạm tội của bị cáo. Khi biết C có hành vi ném chai xăng gây thương tích cho chị V tuy không tố giác với Cơ quan điều tra nhưng ngay sau đó Cơ quan điều tra đã xác định rõ C là người có hành vi gây thương tích cho chị V, do đó Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Q là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét anh Lê Văn Q là đồng phạm với bị cáo C của Chị Nguyễn Thị V không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không chấp nhận kháng cáo của Chị Nguyễn Thị V.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả chị V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2012/04566 ngày 02/6/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện V, tỉnh Bắc Giang.

[5] Các Q định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2, Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của Chị Nguyễn Thị V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự (với các tình tiết định khung được quy định tại điểm a, d, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự), điểm p khoản 1, Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 205; 246 Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn C với Chị Nguyễn Thị V, bà Giáp Thị H, anh Trương Đức H2 về các khoản bồi thường với số tiền bị cáo Nguyễn Văn C tự nguyện bồi thường cụ thể: Chị Nguyễn Thị V là 12.434.000 đồng, bà Giáp Thị H là 5.000.000 đồng, anh Trương Đức H2 là 4.320.000 đồng.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho Chị Nguyễn Thị V số tiền do bị tổn thất về tinh thần là 12.100.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho Chị Nguyễn Thị V là 24.534.000 đồng.

[2] Án phí: Áp dụng Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14: Chị Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả Chị Nguyễn Thị V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2012/04566 ngày 02/6/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (sau khi bản án có hiệu lực pháp luật), do không thỏa thuận được lãi suất chậm trả, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 20/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi